TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Hồng Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thuận

2. Bà Lê Thúy Nguyệt

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Văn Linh– Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Phương L, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ 81 phường A, quận B, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Trịnh Đình S, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số nhà 12 đường C, phường D, quận B, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện gửi đến Toà án ngày 17 tháng 12 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn - bà Võ Thị Phương L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông S xây dựng gia đình với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mẫu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Nguyên nhân là do ông S chơi bài bạc, cá độ đá banh nên lâm vào tình cảnh nợ nần. Bà đã cho ông S nhiều cơ hội để thay đổi nhưng vẫn không được. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhiều

lần nhưng vẫn không được. Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông S, bà yêu cầu được giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Bà và ông S có 01 người con chung là Trịnh Hà M, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2018. Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không có.

*** Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn – ông Trịnh Đình S trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất như lời trình bày của bà L về thời gian và điều kiện kết hôn. Trong cuộc sống, vợ chồng ông có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông chơi cá độ bóng đá nên gây nợ nần, đây là những khoản nợ riêng của bản thân ông. Ông nhận thức được việc làm của mình là không đúng, ông xin bà L cho thời gian là 01 năm để trả nợ, thay đổi bản thân. Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn yêu thương nhau, mẫu thuẫn có thể khắc phục được nên xin đoàn tụ.

- Về con chung: Ông xác định ông và bà L có 01 người con chung là Trịnh Hà M, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2018. Ông có nguyện vọng được đoàn tụ nên không đề cập đến việc giải quyết con chung. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L thì ông đồng ý giao con cho bà L nuôi và trợ cấp nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định không có.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về quan hệ hôn nhân: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ xác định vợ chồng bà L, ông S có mâu thuẫn trầm trọng kéo dài. Xét yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của bà L và ông S , giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông S mỗi tháng 2.500.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông S đều xác định không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa bà Võ Thị Phương L và ông Trịnh Đình S là tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn quận Thanh Khê nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân dự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Phương L và ông Trịnh Đình S xây dựng gia đình với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà L thì vợ chồng hạnh phúc thật sự chỉ được sáu tháng đầu sau khi cưới. Đến khoảng giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông S chơi bài bạc, cá độ bóng đá dẫn đến nợ nần của nhiều người, bà L cũng như gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã chấm dứt mọi quan hệ, mỗi người sống mỗi nơi từ cuối năm 2018.

Tại phiên tòa hôm nay, bà L xác định không còn yêu thương ông S nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Còn ông S cho rằng tuy vợ chồng có mâu thuẫn mà nguyên nhân là do ông chơi cá độ bóng đá, gây nợ nần nhưng ông xác định vẫn còn yêu thương bà L, ông xin được đoàn tụ.

Xét yêu cầu của các đương sự thì thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất với ý kiến của Kiểm sát viên, cho bà Võ Thị Phương L được ly hôn ông Trịnh Đình S là phù hợp với Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Ông S xin đoàn tụ nhưng thực tế ông không có một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn hạnh phúc gia đình do đó không thể thỏa mãn yêu cầu của ông S được.

[3] Về con chung: Bà L và ông S xác định có 01 con chung là Trịnh Hà M, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2018, hiện nay cháu đang ở với bà L.

Ly hôn, bà L xin được nuôi con và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ. Ông S đồng ý giao con cho bà L nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ theo yêu cầu của bà L.

Xét việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 58, 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông S xác định không có nên không giải quyết.

[5] Án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Võ Thị Phương L phải chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con ông Trịnh Đình S phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Võ Thị Phương L về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với ông Trịnh Đình S.

1.*Về quan hệ hôn nhân:*

Xử: Cho bà Võ Thị Phương L được ly hôn ông Trịnh Đình S.

2.Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Võ Thị Phương L và ông Trịnh Đình S về việc nuôi con chung như sau: Giao cho bà Võ Thị Phương L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trịnh Hà M, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2018.

Ông Trịnh Đình S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng vào ngày 5 hàng tháng, kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3.Án phí: Bà Võ Thị Phương L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0004501 ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà L đã nộp đủ án phí.

Ông Trịnh Đình S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ.

Dương Thị Hồng Minh